Khung học phí giáo dục công lập

vn.giao-duc.hoc-phi-hoc-bong-ho-tro.khung-hoc-phi-giao-duc-cong-lap

Khung học phí công lập theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP. Từ năm học 2025–2026, trẻ mầm non và người học chương trình giáo dục phổ thông tại cơ sở công lập thuộc diện áp dụng được miễn học phí; các mức trong khung phổ thông là căn cứ ngân sách cấp bù. Mức trần đại học năm học 2026–2027 được quy định theo khối ngành và mức tự chủ.

Version 238/2025/NĐ-CP; kiểm tra 2026-10-07 · Cập nhật 2026-10-07 · Chính sách cập nhật monthly

ĐIỂM NỔI BẬT

TRẦN HỌC PHÍ ĐẠI HỌC NGÀNH ...

8750

nghìn đồng/người học/tháng

2026-2027; tự chủ chi thường xuyên và chi đ...

MỨC TĂNG TRẦN HỌC PHÍ PHỔ T...

7.5

%/năm

2026-2027 đến 2035-2036

HỌC PHÍ NGƯỜI HỌC MẦM NON, ...

0

đồng/người học

Thuộc diện miễn học phí từ 2025-2026

DỮ LIỆU

Học phí phải nộp sau miễn học phí — mầm non và phổ thông công lập thuộc diện áp dụng Kỳ dữ liệu: Từ năm học 2025-2026 · Địa bàn: Việt Nam	0 đồng/người học
Mầm non công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên — mức sàn khung học phí Kỳ dữ liệu: Năm học 2025-2026 · Địa bàn: Việt Nam	50 nghìn đồng/người học/tháng
Mầm non công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên — mức trần khung học phí Kỳ dữ liệu: Năm học 2025-2026 · Địa bàn: Việt Nam	540 nghìn đồng/người học/tháng
Tiểu học công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên — mức sàn khung học phí Kỳ dữ liệu: Năm học 2025-2026 · Địa bàn: Việt Nam	50 nghìn đồng/người học/tháng
Tiểu học công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên — mức trần khung học phí Kỳ dữ liệu: Năm học 2025-2026 · Địa bàn: Việt Nam	540 nghìn đồng/người học/tháng
Trung học cơ sở công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên — mức sàn khung học phí Kỳ dữ liệu: Năm học 2025-2026 · Địa bàn: Việt Nam	50 nghìn đồng/người học/tháng
Trung học cơ sở công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên — mức trần khung học phí Kỳ dữ liệu: Năm học 2025-2026 · Địa bàn: Việt Nam	650 nghìn đồng/người học/tháng
Trung học phổ thông công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên — mức sàn khung học phí Kỳ dữ liệu: Năm học 2025-2026 · Địa bàn: Việt Nam	100 nghìn đồng/người học/tháng

Trung học phổ thông công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên — mức trần khung học phí
Kỳ dữ liệu: Năm học 2025-2026 · Địa bàn: Việt Nam
650 nghìn đồng/ người học/tháng

Mầm non, phổ thông công lập — mức tăng trần học phí tối đa hằng năm
Kỳ dữ liệu: Năm học 2026-2027 đến 2035-2036 · Địa bàn: Việt Nam
7.5 %/năm

Đại học — khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên (mã 714), chưa tự bảo đảm chi thường xuyên
Kỳ dữ liệu: Năm học 2026-2027 · Địa bàn: Việt Nam
1790 nghìn đồng/ người học/tháng

Đại học — khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên (mã 714), tự bảo đảm chi thường xuyên
Kỳ dữ liệu: Năm học 2026-2027 · Địa bàn: Việt Nam
3580 nghìn đồng/ người học/tháng

Đại học — khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên (mã 714), tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư
Kỳ dữ liệu: Năm học 2026-2027 · Địa bàn: Việt Nam
4475 nghìn đồng/ người học/tháng

Đại học — nghệ thuật (mã 721), chưa tự bảo đảm chi thường xuyên
Kỳ dữ liệu: Năm học 2026-2027 · Địa bàn: Việt Nam
1710 nghìn đồng/ người học/tháng

Đại học — nghệ thuật (mã 721), tự bảo đảm chi thường xuyên
Kỳ dữ liệu: Năm học 2026-2027 · Địa bàn: Việt Nam
3420 nghìn đồng/ người học/tháng

Đại học — nghệ thuật (mã 721), tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư
Kỳ dữ liệu: Năm học 2026-2027 · Địa bàn: Việt Nam
4275 nghìn đồng/ người học/tháng

Đại học — kinh doanh, quản lý và pháp luật (mã 734, 738), chưa tự bảo đảm chi thường xuyên
Kỳ dữ liệu: Năm học 2026-2027 · Địa bàn: Việt Nam
1790 nghìn đồng/ người học/tháng

Đại học — kinh doanh, quản lý và pháp luật (mã 734, 738), tự bảo đảm chi thường xuyên
Kỳ dữ liệu: Năm học 2026-2027 · Địa bàn: Việt Nam
3580 nghìn đồng/ người học/tháng

Đại học — kinh doanh, quản lý và pháp luật (mã 734, 738), tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư
Kỳ dữ liệu: Năm học 2026-2027 · Địa bàn: Việt Nam
4475 nghìn đồng/ người học/tháng

Đại học — khoa học sự sống và khoa học tự nhiên (mã 742, 744), chưa tự bảo đảm chi thường xuyên
Kỳ dữ liệu: Năm học 2026-2027 · Địa bàn: Việt Nam
1930 nghìn đồng/ người học/tháng

Đại học — khoa học sự sống và khoa học tự nhiên (mã 742, 744), tự bảo đảm chi thường xuyên
Kỳ dữ liệu: Năm học 2026-2027 · Địa bàn: Việt Nam
3860 nghìn đồng/ người học/tháng

Đại học — khoa học sự sống và khoa học tự nhiên (mã 742, 744), tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư
Kỳ dữ liệu: Năm học 2026-2027 · Địa bàn: Việt Nam
4825 nghìn đồng/ người học/tháng

Đại học — toán, máy tính, công nghệ, kỹ thuật, sản xuất, xây dựng, nông lâm ngư nghiệp và thú y (mã 746, 748, 751, 752, 754, 758, 762, 764), chưa tự bảo đảm chi thường xuyên
Kỳ dữ liệu: Năm học 2026-2027 · Địa bàn: Việt Nam
2090 nghìn đồng/ người học/tháng

Đại học — toán, máy tính, công nghệ, kỹ thuật, sản xuất, xây dựng, nông lâm ngư nghiệp và thú y (mã 746, 748, 751, 752, 754, 758, 762, 764), tự bảo đảm chi thường xuyên
Kỳ dữ liệu: Năm học 2026-2027 · Địa bàn: Việt Nam
4180 nghìn đồng/ người học/tháng

Đại học — toán, máy tính, công nghệ, kỹ thuật, sản xuất, xây dựng, nông lâm ngư nghiệp và thú y (mã 746, 748, 751, 752, 754, 758, 762, 764), tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư
Kỳ dữ liệu: Năm học 2026-2027 · Địa bàn: Việt Nam
5225 nghìn đồng/ người học/tháng

Đại học — điều dưỡng, hộ sinh, dinh dưỡng, kỹ thuật y học, y tế công cộng, quản lý y tế và nhóm sức khỏe khác (mã 77203, 77204, 77206, 77207, 77208, 77290), chưa tự bảo đảm chi thường xuyên
Kỳ dữ liệu: Năm học 2026-2027 · Địa bàn: Việt Nam
2660 nghìn đồng/ người học/tháng

Đại học — điều dưỡng, hộ sinh, dinh dưỡng, kỹ thuật y học, y tế công cộng, quản lý y tế và nhóm sức khỏe khác (mã 77203, 77204, 77206, 77207, 77208, 77290), tự bảo đảm chi thường xuyên
Kỳ dữ liệu: Năm học 2026-2027 · Địa bàn: Việt Nam
5320 nghìn đồng/ người học/tháng

Đại học — điều dưỡng, hộ sinh, dinh dưỡng, kỹ thuật y học, y tế công cộng, quản lý y tế và nhóm sức khỏe khác (mã 77203, 77204, 77206, 77207, 77208, 77290), tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư
Kỳ dữ liệu: Năm học 2026-2027 · Địa bàn: Việt Nam
6650 nghìn đồng/ người học/tháng

Đại học — dược học và y học (mã 77201, 77202), chưa tự bảo đảm chi thường xuyên
Kỳ dữ liệu: Năm học 2026-2027 · Địa bàn: Việt Nam
3500 nghìn đồng/ người học/tháng

Đại học — dược học và y học (mã 77201, 77202), tự bảo đảm chi thường xuyên
Kỳ dữ liệu: Năm học 2026-2027 · Địa bàn: Việt Nam
7000 nghìn đồng/ người học/tháng

Đại học — dược học và y học (mã 77201, 77202), tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư
Kỳ dữ liệu: Năm học 2026-2027 · Địa bàn: Việt Nam
8750 nghìn đồng/ người học/tháng

Đại học — nhân văn, khoa học xã hội, báo chí, dịch vụ xã hội, du lịch, thể thao, vận tải và môi trường (mã 722, 731, 732, 776, 781, 784, 785), chưa tự bảo đảm chi thường xuyên
Kỳ dữ liệu: Năm học 2026-2027 · Địa bàn: Việt Nam
1910 nghìn đồng/ người học/tháng

Đại học — nhân văn, khoa học xã hội, báo chí, dịch vụ xã hội, du lịch, thể thao, vận tải và môi trường (mã 722, 731, 732, 776, 781, 784, 785), tự bảo đảm chi thường xuyên

3820 nghìn đồng/ người học/tháng

Kỳ dữ liệu: Năm học 2026-2027 · Địa bàn: Việt Nam

Đại học — nhân văn, khoa học xã hội, báo chí, dịch vụ xã hội, du lịch, thể thao, vận tải và môi trường (mã 722, 731, 732, 776, 781, 784, 785), tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư

4775 nghìn đồng/ người học/tháng

Kỳ dữ liệu: Năm học 2026-2027 · Địa bàn: Việt Nam

NGUỒN & ĐỘ MỚI

Phiên bản: 238/2025/NĐ-CP; kiểm tra 2026-10-07
Cập nhật: 2026-10-07
Giấy phép: Pending source verification

Công báo điện tử nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam — Nghị định số 238/2025/NĐ-CP
https://congbaochinhphu.vn/tai-ve-van-ban-so-238-2025-nd-cp-46152-58861

Báo Điện tử Chính phủ — Nghị quyết về miễn học phí cho trẻ mầm non, học sinh phổ thông
https://baochinhphu.vn/nghi-quyet-ve-mien-hoc-phi-cho-tre-mam-non-hoc-sinh-pho-thong-102250704171636654.htm

Báo Điện tử Chính phủ — Thẩm quyền quyết định mức học phí và dịch vụ giáo dục
https://baochinhphu.vn/tham-quyen-quyet-dinh-muc-hoc-phi-va-dich-vu-giao-duc-102260406095347276.htm

Cổng Thông tin điện tử Chính phủ — Nghị quyết số 217/2025/QH15 của Quốc hội
https://vanban.chinhphu.vn/?docid=214401&pageid=27160

Chính phủ — Nghị định số 238/2025/NĐ-CP
https://vanban.chinhphu.vn/?classid=1&docid=215169&pageid=27160&typegroupid=4

Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật — Thuộc tính Nghị định 238/2025/NĐ-CP — tình trạng còn hiệu lực
https://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-thuoctinh.aspx?ItemID=183688

Quốc hội — Nghị quyết số 217/2025/QH15 về miễn, hỗ trợ học phí
https://vanban.chinhphu.vn/?classid=1&docid=214401&pageid=27160

Chính phủ Việt Nam; Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật — Nghị định số 238/2025/NĐ-CP
https://vanban.chinhphu.vn/?docid=215169&pageid=27160

Báo Điện tử Chính phủ — Quy định mới nhất về mức học phí từ năm học 2025-2026
https://baochinhphu.vn/quy-dinh-moi-nhat-ve-muc-hoc-phi-tu-nam-hoc-2025-2026-102250908012640311.htm

Công báo điện tử nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam — Nghị định số 238/2025/NĐ-CP — thông tin công báo và hiệu lực
https://congbao.chinhphu.vn/van-ban/nghi-dinh-so-238-2025-nd-cp-46152/58861.htm